



bēi gài
杯盖

noun · cup lid

Example Sentence

qǐng bāng wǒ gài jǐn bēi gài fáng zhǐ sǎ chū lái
请 帮 我 盖 紧 杯 盖 ， 防 止 洒 出 来 。

Please tighten the cup lid to prevent spills.

Trace each character, then write the word on your own.

杯	杯	杯	杯	杯	杯	杯	杯	杯	杯	杯
盖	盖	盖	盖	盖	盖	盖	盖	盖	盖	盖
盖	盖	盖								